TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày: 29 - 5 -2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Anh

2. Bà Nguyễn Thị Kim Dung

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Lê Sĩ Vỹ – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐST ngày 17 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín
Địa chỉ: Lầu 8,266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị H - Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Thanh Hóa *(Theo Giấy ủy quyền số 01 ngày 10/01/2019).*
Địa chỉ: Số126-130, Nguyễn Trãi, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987
Trú tại: Thôn Thái Lâm, xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà H, vắng mặt bà T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2019, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, phía nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) do bà Lê Thị H là người đại diện theo ủy quyền trình bày và đề nghị: Ngày 19/3/2016, bà Nguyễn Thị T ký kết với Ngân hàng 01 Hợp đồng tín dụng số LD1607900098 để vay số tiền 50.000.000đ, mục

đích vay tiêu dùng, lãi suất tại thời điểm vay 0,75% /tháng, Ngân hàng sẽ điều chỉnh lãi suất theo quy định của ngân hàng, thời hạn vay 36 tháng, mỗi tháng trả tiền gốc 1.763.000đ + lãi vào ngày 20 hàng tháng. Bà T đã nhận đủ tiền vay.

Thời gian đầu bà T thực hiện nghĩa vụ thanh toán đều đặn. Đến ngày 26/01/2018, bà T trả được số tiền gốc: 30.536.000đ và tiền lãi.

Kể từ tháng 02/2018, bà T không thanh toán nợ đúng hạn cho ngân hàng, vi phạm lịch trả nợ, vi phạm Điều 9 phương thức trả nợ của hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào điểm i khoản 6 Phục lục các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng khởi kiện vụ án đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn buộc bà T phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ còn lại: 19.464.000đ, tiền lãi trong hợp đồng tính đến ngày khởi kiện (10/01/2019): 6.247.297đ, lãi quá hạn: 269.431đ, tổng: 25.980.728đ.

Tại phiên tòa, ngân hàng yêu cầu bà T trả tiền gốc: 19.464.000đ và lãi tính đến ngày xét xử 29/5/2019: Lãi trong hợp đồng: 7.185.578đ, lãi quá hạn: 522.702đ, tổng cộng: 27.172.280đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T nhưng bà không có mặt tại Tòa và cũng không có yêu cầu gì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia tố tụng tại phiên toà: Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, HĐXX và những ng□ời tham gia tố tụng: Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý thức chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành các văn bản tố tụng của Toà án, cung cấp tài liệu chứng cứ, giữ gìn trật tự và tuân theo sự điều khiển của chủ toạ phiên toà. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tống đạt niêm yết các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành và không gửi ý kiến cho Tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 463, 466BLDS đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà T phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc: 19.464.000đ, tiền lãi 6.247.297đ, lãi quá hạn: 269.431đ, tổng: 25.980.728đ và lãi phát sinh cho đến khi xét xử. Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326: Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, pháp luật áp dụng: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị T. Bà T có hộ khẩu thường trú tại xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tại biên bản xác minh ngày 17/01/2019, đại diện UBND xã Thái Hòa cung cấp bà T đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, cho đến nay bà Thủy vẫn chưa cắt chuyển khẩu và không xin tạm vắng tại địa

phương. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Tcố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với Ngân hàng không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 26, 35,39, điểm e Điều 192 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T không có ý kiến gì gửi cho Tòa án và cũng không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần thứ nhất, bà Thủy vắng mặt, HĐXX đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bà Thủy tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Hợp đồng tín dụng ký kết giữa bà T với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ngày 19/3/2016, thời điểm Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực pháp luật. Do đó HĐXX căn cứ vào Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[2] Trách nhiệm trả nợ gốc và lãi: Ngày 19/3/2016, bà Nguyễn Thị T ký kết với Ngân hàng 01 Hợp đồng tín dụng số LD1607900098 để vay số tiền 50.000.000đ, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất tại thời điểm vay 0,75% /tháng, Ngân hàng sẽ điều chỉnh lãi suất theo quy định của ngân hàng, thời hạn vay 36 tháng, mỗi tháng trả tiền gốc 1.763.000đ + lãi vào ngày 20 hàng tháng. Bà T đã nhận đủ tiền vay. Đến ngày 26/01/2018, bà T đã trả được số tiền gốc: 30.536.000đ và tiền lãi.

Kể từ tháng 02/2018, bà T không thanh toán nợ đúng hạn cho ngân hàng là vi phạm lịch trả nợ, vi phạm Điều 9 phương thức trả nợ của hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào điểm i khoản 6 Phục lục các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn buộc bà T phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ còn lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm: Tiền gốc: 19.464.000đ, lãi trong hợp đồng: 7.185.578đ, lãi quá hạn: 522.702đ, tổng cộng: 27.172.280đ là phù hợp với điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật . Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng số tiền: 27.172.280đ.

[4] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín được chấp nhận nên hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35,39, điểm e Điều 192, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271,273 BLTTDS; Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín: Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền gốc: 19.464.000đ, lãi trong hợp đồng: 7.185.578đ, lãi quá hạn: 522.702đ, tổng cộng: 27.172.280đ *(Hai mươi bảy triệu, một trăm bảy hai nghìn, hai trăm tám mươi đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 1.358.000đ (Một triệu ba trăm năm tám nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 649.000đ theo biên lai số A A/2017/0005344 ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu